

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn giữa anh C và chị T.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Sơn và ông Bùi Quang Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2022 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXX-ST ngày 11/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vương Đức C, sinh năm 1985, có mặt;

Địa chỉ: Số 09, ngõ 18, Khu 7, phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ:

- HKTT: Số 09, ngõ 18, Khu 7, phường T, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Hiện đang chấp hành án tại: Đội 40, khu A, Trại giam Ngọc Lý, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

*. Người đại diện theo ủy quyền của chị T về con chung: Bà Đỗ Thị X, sinh năm 1968 (mẹ đẻ chị T), có mặt;

Địa chỉ: Thôn Yên Viên, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Vương Đức C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 15/3/2010, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận và hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2019 vợ chồng thường xuyên pháp sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp. Đến năm 2020, chị T bị bắt và bị TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và hiện đang chấp hành án tại: Đội 40, khu A, Trại giam Ngọc Lý, xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay, anh cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có tương lai hạnh phúc và không có khả năng đoàn tụ, nên anh vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Vương Uyên Nhi, sinh ngày 03/02/2011 và cháu Vương Gia Hân, sinh ngày 15/11/2013. Hiện các cháu khỏe mạnh và đang ở với anh.

Ly hôn, do chị T hiện đang chấp hành án nên anh xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh cho rằng anh đảm bảo các điều kiện về mặt tinh thần cũng như vật chất để nuôi con. Hiện anh đang làm ở Công ty TNHH MTV Mai Linh, thu nhập bình quân khoảng hơn 7.000.000 đồng/01 tháng (anh có bản sao kê lương nộp để làm căn cứ).

- Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị T: Chị hiện đang chấp hành án, có đơn đề nghị giải quyết vụ án (khi Tòa án làm việc, hòa giải và xét xử) vắng mặt và có ý kiến trình bày, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Nhất trí ly hôn;

- Về nuôi con chung: Chị không nhất trí giao cả 02 con chung cho anh C

nuôi dưỡng, mà yêu cầu được nuôi 01 con chung là cháu Vương Gia Hân. Do hiện tại chị đang chấp hành án nên chị ủy quyền cho mẹ đẻ chị là bà Đỗ Thị Xuân nuôi cháu Hân cho đến khi chị chấp hành xong án phạt tù. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản:* Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Người đại diện theo ủy quyền của chị T về con chung là bà Đỗ Thị Xuân trình bày: Nhất trí giao cả 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

+ *Về hôn nhân:* Cho anh C được ly hôn chị T.

+ *Về nuôi con chung:* Giao cả 02 con chung là cháu Vương Uyên Nhi, sinh ngày 03/02/2011 và cháu Vương Gia Hân, sinh ngày 15/11/2013 cho anh C nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

+ *Về chia tài sản:* Không đề cập giải quyết.

+ *Về án phí:* Buộc anh C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Nguyễn Thị T hiện đang chấp hành án, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.]

[2. *Về hôn nhân*: Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Vương Đức C được ly hôn chị Nguyễn Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được (bị đơn hiện đang chấp hành án, có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt), anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; còn chị T trong quá trình giải quyết, có ý kiến trình bày nhất trí ly hôn.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh C được ly hôn chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.]

[3. *Về nuôi con chung*: Xét thấy, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chưa thành niên, căn cứ vào nguyện vọng của con, quyền lợi về mọi mặt của con và điều kiện nuôi con của hai bên, nên cần giao cả 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.]

[4. *Về chia tài sản*: Do các bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.]

[5. *Về án phí*: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.]

[6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Vương Đức C được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao cả 02 con chung là cháu Vương Uyên N, sinh ngày 03/02/2011 và cháu Vương Gia H, sinh ngày 15/11/2013 cho anh Vương Đức C nuôi dưỡng. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. *Cấp dưỡng nuôi con chung*: Không đề cập giải quyết.

3. *Về chia tài sản*: Không đề cập giải quyết.

*. *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc anh Vương Đức C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0001086 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh; anh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự*;
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp*;
- *UBND P. T, TP. Bắc Ninh*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyên

